

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **367/2023/ST-HNGĐ**

Ngày: 31/7/2023

V/v *Tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà N

Bà C

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà T - Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Ông T - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
161/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 04 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7
năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ T, sinh năm 1970

CMND/CCCD số: 02517000**** do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và
DLQG về dân cư cấp ngày ***/2017; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số
** ngõ ** P, phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Bà T có mặt tại
phiên tòa)

Bị đơn: Ông Trịnh T, sinh năm 1972

CMND/CCCD số: 03807200**** do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và
DLQG về dân cư cấp ngày ***/2017; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số
** ngõ ** P, phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Ông V có đơn
xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn xin ly hôn, bản tự khai, và các biên bản làm việc tại tòa án,
nguyên đơn là bà Vũ T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ T và ông Trịnh T đăng ký kết hôn ngày
***/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T trên cơ sở tự
nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống tại quận Thanh

Xuân, Hà Nội. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà T nhận thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông Trịnh T. Do vậy, bà Vũ T làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn với Trịnh T để bà có điều kiện ổn định cuộc sống riêng, yên tâm chăm sóc giáo dục con chung.

Về con chung: Bà Vũ T xác nhận bà và ông Trịnh T có 03 con chung là cháu Trịnh P T, sinh ngày **/**/1994, cháu Trịnh V, sinh ngày **/**/2003, cháu Trịnh C, sinh ngày **/**/2006. Hiện nay cháu Trịnh P T và cháu Trịnh V đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh C, cháu C có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Nên giao cháu Trịnh C cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trịnh T kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Bà Vũ T và ông Trịnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Vũ T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các vấn đề khác: Bà Vũ T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trịnh T: Trong toàn bộ quá trình giải quyết Ông V không có mặt và cũng không gửi ý kiến hoặc trình bày gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ T. Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, đã thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho Ông V theo quy định, Ông V đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến hoặc văn bản gửi cho Tòa án về việc Bà T xin ly hôn. Tuy nhiên, ngày 25/7/2023, bị đơn ông Trịnh T gửi đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến về việc xin ly hôn của bà Vũ T như sau: Do Ông V bận công việc phải đi làm nên không thể tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Về việc bà Vũ T làm đơn xin ly hôn với ông V, ông đồng ý ly hôn với bà T. Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung, và các vấn đề khác: Ông Trịnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Vũ T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ T

và ông Trịnh T. Về con chung: Giao con chung là Trịnh C, sinh ngày **/**/2006 cho mẹ là bà Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trịnh T kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Bà T và Ông V không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của bà Vũ T xin ly hôn với ông Trịnh T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Trịnh T; Nơi cư trú: Số ** ngõ ** P, phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cho bị đơn theo quy định. Ngày 25/7/2023, ông Trịnh T có gửi đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà Vũ T xin ly hôn đối với ông Trịnh T thấy: Bà Vũ T và ông Trịnh T kết hôn có tình cảm và đăng ký kết hôn ngày 10/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Ông, bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau và đã sống ly thân nhiều năm. Nguyên nhân vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng, ông, bà cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thể hàn gắn được, nên Bà T làm đơn xin ly hôn với ông V.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống của bà Vũ T và ông Trịnh T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho Bà T được ly hôn với ông Trịnh T.

Về con chung: Bà Vũ T xác nhận bà và ông Trịnh T có 03 con chung là cháu Trịnh P T, sinh ngày **/**/1994, cháu Trịnh V, sinh ngày **/**/2003 và cháu Trịnh C, sinh ngày **/**/2006. Hiện nay cháu Trịnh P T và cháu Trịnh V

đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh C và cháu C có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Ông Trịnh T không có ý kiến gì. Nên giao cháu Trịnh C cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trịnh T kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông Trịnh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà Vũ T xác nhận bà và ông Trịnh T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Bà Vũ T không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bà T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ T đối với ông Trịnh T. Bà Vũ T được ly hôn ông Trịnh T.

2. Về con chung: Bà Vũ T và ông Trịnh T có 03 con chung là cháu Trịnh P T, sinh ngày **/**/1994, cháu Trịnh V, sinh ngày **/**/2003 và cháu Trịnh C, sinh ngày **/**/2006. Hiện nay cháu Trịnh P T và cháu Trịnh V đã trưởng thành, sức khỏe bình thường và ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Giao cháu Trịnh C cho mẹ là bà Vũ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trịnh T kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông Trịnh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, và vay nợ chung: Bà Vũ T và ông Trịnh T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về những vấn đề khác: Bà Vũ T và ông Trịnh T không có yêu cầu gì khác.

5. Về án phí: Bà Vũ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0008764 ngày 18/04/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Vũ T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi Cục THADS Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

H